

Số: 290/TTr-TNMT

Phong Thổ, ngày 02 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v điều chỉnh một số nội dung của các Quyết định số: 839, 841/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 và khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh;

Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phong Thổ;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh;

Căn cứ Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án BTHTTĐC thực hiện dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh;

Căn cứ Tờ trình số 73/TTr-TTPTQĐ ngày 17/6/2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về việc đề nghị điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 của các Quyết định số 839/QĐ-UBND; số 841/QĐ-UBND; số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc thu hồi đất và phê duyệt

phương án BTHTTĐC xây dựng công trình: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh;

Phòng Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình trình UBND huyện xem xét quyết định điều chỉnh một số nội dung của các Quyết định số: 839, 841/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 và khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ thể như sau:

1. Điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh của hộ gia đình ông Teo Văn Lật, cụ thể như sau:

- Nội dung đã phê duyệt: Thu hồi đất 423,2 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ địa chính số 40 tại thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu của hộ gia đình ông Teo Văn Lật.

- Nội dung sau điều chỉnh: Thu hồi đất 666,2 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác của thửa đất số 43 tờ bản đồ địa chính số 40 tại thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu của hộ gia đình ông Teo Văn Lật.

- Lý do điều chỉnh: Do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ (*Thửa đất số 43 tờ bản đồ địa chính số 40 nằm trong thửa đất số 3 tờ bản đồ địa chính số 40 đã được UBND huyện Phong Thổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BL 090750, ngày cấp 28/11/2017 cho gia đình ông Teo Văn Lật nhưng đo đạc, quy chủ nhầm sang tên hộ gia đình ông Lò Văn Thực*).

2. Điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh của hộ gia đình ông Lò Văn Thực, cụ thể như sau:

- Nội dung đã phê duyệt: Thu hồi đất 666,2 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 43 tờ bản đồ địa chính số 40 tại thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu của hộ gia đình ông Lò Văn Thực.

- Nội dung sau điều chỉnh: Thu hồi đất 423,2 m² đất bằng trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ địa chính số 40 tại thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu của hộ gia đình ông Lò Văn Thực.

- Lý do điều chỉnh: Do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ (*Thửa đất số 41 tờ bản đồ địa chính số 40 nằm trong thửa đất số 2 tờ bản đồ địa chính số 40 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CQ 285448, ngày cấp 15/7/2019 cho gia đình ông Lò Văn Thực nhưng đo đạc, quy chủ nhầm sang tên hộ gia đình ông Teo Văn Lật*).

3. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt phương án BTHTTĐC thực hiện dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh, cụ thể như sau:

3.1. Điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Teo Văn Lịt tại số thứ tự số 23 trong Biểu 01 kèm theo Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt: 66.527.260 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ sau khi phê duyệt điều chỉnh: 102.296.860 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh lại diện tích đất thu hồi từ 423,2 m² thành 666,2 m² do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ (Thửa đất số 43 tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 666,2 m² nằm trong thửa đất số 3 tờ bản đồ địa chính số 40 đã được UBND huyện Phong Thổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BL 090750, ngày cấp 28/11/2017 cho gia đình ông Teo Văn Lịt nhưng đo đạc, quy chủ nhầm sang tên hộ gia đình ông Lò Văn Thực).

3.2. Điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lò Văn Thực tại số thứ tự số 24 trong biểu 01 kèm theo số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024

- Giá trị đã phê duyệt: 108.803.478 đồng.
- Giá trị sau điều chỉnh: 73.033.878 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh lại diện tích đất thu hồi từ 666,2 m² thành 423,2 m² do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ (Thửa đất số 41 tờ bản đồ địa chính số 40 nằm trong thửa đất số 2 tờ bản đồ địa chính số 40 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CQ 285448, ngày cấp 15/7/2019 cho gia đình ông Lò Văn Thực nhưng đo đạc, quy chủ nhầm sang tên hộ gia đình ông Teo Văn Lịt).

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Nhựt Kính gửi;
- Lưu: VT, ĐĐ.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Ngọc Phương

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 02 HỘ GIA ĐÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 290/TTr-TNMT ngày 02/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024			Giá trị bồi thường, hỗ trợ sau khi phê duyệt điều chỉnh			Tăng, giảm
			SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	
23	Hộ gia đình ông Teo Văn Lật								
	Địa chỉ thường trú: Thôn Vàng Bó, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ								
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				66.527.260			102.296.860	35.769.600
a	Về đất								
1	Diện tích thu hồi:	m ²	423,2						
2	Loại đất:								
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác vị trí 1	m ²	423,2	36.800	15.573.760	666,2	36.800	24.516.160	8.942.400
b	Về cây cối, hoa màu								
1	Chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	đồng/cây	130	21.429	2.785.770	130	21.429	2.785.770	
2	Chuối chưa có buồng cao từ 1,2m trở lên	đồng/cây	50	24.129	1.206.450	50	24.129	1.206.450	
3	Chuối có buồng (=20kg/buồng)	đồng/kg	40	6.000	240.000	40	6.000	240.000	
c	Về chính sách hỗ trợ								
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đất BHK)	m ²	423,2	110.400	46.721.280	666,2	110.400	73.548.480	26.827.200
24	Hộ gia đình ông Lò Văn Thục và bà Sìn Thị Lập								
	Địa chỉ thường trú: Thôn Vàng Bó, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ								
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				108.803.478			73.033.878	(35.769.600)
a	Về đất								
1	Diện tích thu hồi:	m ²	666,2			423,2			(8.942.400)



2	Loại đất:								
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác vị trí 1	m ²	666,2	36.800	24.516.160	423,2	36.800	15.573.760	(8.942.400)
b	Về cây cối, hoa màu				10.738.838			10.738.838	
1	Cây mắc ca trồng năm thứ hai	đồng/cây	58	178.502	10.353.116	58	178.502	10.353.116	
2	Chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	đồng/cây	18	21.429	385.722	18	21.429	385.722	
c	Về chính sách hỗ trợ				73.548.480			46.721.280	(26.827.200)
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đất BHK)	m ²	666,2	110.400	73.548.480	423,2	110.400	46.721.280	(26.827.200)